

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

MỤC LỤC

Trang

- | | |
|---|---------|
| 1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 01 - 02 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 03 - 04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 05 - 06 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 07 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 08 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 09 - 39 |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 06 năm 2021)

Vốn điều lệ 100.000.000.000 đồng

Vốn thực góp 100.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 91 Thích Quảng Đức, phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 382 1983

Fax: 0274 382 1983

Email: nganthuong@bps.net.vn

Mã số thuế: 3700149145

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Tấn Đạt

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Trần Danh

Ông Trần Thiện Thế

Ông Huỳnh Tấn Tài

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Võ Thị Thanh Thảo

Bà Trần Thị Thu Thảo

Bà Lâm Thị Phương Lam

Chức vụ

Trưởng ban kiểm soát

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng:

Ông Lê Hữu Nghĩa

Ông Huỳnh Tấn Tài

Bà Đồng thị Ngân Thương

Chức vụ

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghỉ trang Quảng Đông Tp. Thuận An và nghỉ trang Triều Châu Tp. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở Tp. Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May 1 trang phục (không hoạt động tại trụ sở).



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Thay mặt và Đại diện Ban Tổng Giám đốc



Lê Hữu Nghĩa

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Số 043.../2022/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương, được lập ngày 23 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2020-196-1

Nguyễn Thị Bích Thủy

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2018-196-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.459.633.031	78.444.777.816
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.315.188.724	16.555.988.816
1. Tiền	111	V.01	9.315.188.724	16.555.988.816
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		233.005.088	2.017.172.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		233.005.088	2.415.135.200
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.02a	-	(397.963.200)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		89.396.197.601	52.040.524.324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	15.110.535.997	12.944.952.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	41.057.630.107	14.490.952.176
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	33.280.929.597	24.657.517.717
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(52.898.100)	(52.898.100)
IV. Hàng tồn kho	140		6.745.298.443	7.170.828.808
1. Hàng tồn kho	141	V.06	6.745.298.443	7.170.828.808
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.769.943.175	660.263.868
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	46.465.492	133.360.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.189.914.616	526.903.243
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.014a	533.563.067	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		233.421.127.566	202.287.906.650
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		9.983.385.000	9.216.276.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	9.983.385.000	9.216.276.000
II. Tài sản cố định	220		21.066.583.243	23.615.953.839
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11.431.539.854	13.372.339.426
Nguyên giá	222		34.716.072.792	36.250.152.792
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.284.532.938)	(22.877.813.366)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	9.635.043.389	10.243.614.413
Nguyên giá	228		15.180.214.560	15.180.214.560
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.545.171.171)	(4.936.600.147)
III. Bất động sản đầu tư	230		57.749.733.450	51.457.537.200
Nguyên giá	231	V.10	57.749.733.450	51.457.537.200
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.872.567.640	13.157.477.103
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	48.872.567.640	13.157.477.103
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		95.251.000.000	104.001.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.02b	95.251.000.000	104.001.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		497.858.233	839.662.508
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	497.858.233	839.662.508
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		341.880.760.597	280.732.684.466

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2021	TẠI NGÀY 01/01/2021
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		196.814.291.589	136.776.291.606
I. Nợ ngắn hạn	310		46.319.497.498	74.039.264.260
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	5.866.615.809	2.617.202.530
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.985.183.920	2.758.237.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	945.138.628	1.025.243.940
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.493.764.776	3.949.266.558
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	2.122.979.682	2.485.353.364
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	1.357.037.140	1.605.786.702
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	28.300.000.000	58.326.396.123
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	12.000.000	12.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19a	1.236.777.543	1.259.777.543
II. Nợ dài hạn	330		150.494.794.091	62.737.027.346
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	6.455.418.978	7.811.291.046
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	144.039.375.113	34.925.736.300
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	-	20.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		145.066.469.008	143.956.392.860
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	145.063.059.270	143.952.983.122
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	91.775.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	91.775.920.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.731.112.696	23.914.614.230
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.331.946.574	28.262.448.892
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.362.611.057	20.097.464.231
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.969.335.517	8.164.984.661
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.409.738	3.409.738
1. Nguồn kinh phí	431		3.409.738	3.409.738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		341.880.760.597	280.732.684.466

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Đông Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng

Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2021	NĂM 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	790.942.596.680	1.034.316.609.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		790.942.596.680	1.034.316.609.515
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	763.997.559.003	1.007.585.475.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.945.037.677	26.731.134.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.788.307.770	19.385.304
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.353.359.799	3.245.732.930
- trong đó: chi phí lãi vay	23		2.094.026.466	3.245.732.930
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	8.047.194.216	8.397.612.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	8.862.959.059	8.977.697.642
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.469.832.373	6.129.476.383
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.084.153.077	3.950.645.269
12. Chi phí khác	32	VI.08	-	41.579.122
13. Lợi nhuận khác	40		3.084.153.077	3.909.066.147
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.553.985.450	10.038.542.530
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	2.584.649.933	1.873.557.869
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.969.335.517	8.164.984.661
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.197	890
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng

Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2021	NĂM 2020
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		537.483.772.197	614.621.736.315
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(722.906.446.737)	(836.653.358.414)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.654.107.914)	(15.227.029.029)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.094.026.466)	(2.604.492.930)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.053.201.337)	(3.226.136.081)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		402.475.897.561	644.387.476.238
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(165.094.079.215)	(391.179.879.562)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		30.157.808.089	10.118.316.537
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.962.037.828)	(3.858.962.582)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	31.818.182
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.550.000.000)	(23.900.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.300.000.000	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.417.770	19.385.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.805.379.942	(27.707.759.096)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		122.400.000.000	155.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(152.426.396.123)	(138.773.603.877)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.177.592.000)	(4.018.625.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39.203.988.123)	12.807.770.998
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.240.800.092)	(4.781.671.561)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.555.988.816	21.337.660.377
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		9.315.188.724	16.555.988.816

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng

Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công cộng Bình Dương là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700149145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 14 tháng 04 năm 2006 (thay đổi lần thứ 15 ngày 24 tháng 06 năm 2021)

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 VND

- Vốn thực góp: 100.000.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 91 Thích Quảng Đức, phường Phú Hoà, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất. Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh bia, nước ngọt, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ. Dịch vụ karaoke, cho thuê xe du lịch. Khai thác khoáng sản. Thu gom, xử lý rác sinh hoạt và rác thải công nghiệp. Thu gom, xử lý rác vệ sinh khu công nghiệp. Chế biến phân hữu cơ từ nguyên liệu rác thải. Xây dựng, duy tu hệ thống đèn chiếu sáng công cộng. Trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh thuộc các công trình công cộng. Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh. Quản lý nghỉ trang Quảng Đông Tp. Thuận An và nghỉ trang Triều Châu Tp. Dĩ An. Dịch vụ cho thuê nhà cho người có thu nhập thấp. Cung cấp nước sạch ở Tp. Dĩ An. Dịch vụ mai táng và hỏa táng. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh bất động sản. May trang phục (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Trong năm tài chính hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

a. Các công ty con

- Công ty Cổ phần Đầu tư Hoa viên Nghĩa Trang Long Xuyên

Mã số thuế: 1601542143; Địa chỉ: Khóm Tây Huề 1, P.Mỹ Hòa, Tp.Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Hưng Viên

Mã số thuế: 1300982599; Địa chỉ: Ấp Phú Thành (TĐ số 663, TĐ số 13), Phú Hưng, Tp.Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu

Mã số thuế: 3603408436; Địa chỉ: Số AA1.AA2 đường 768, ấp Bình Phước, xã Tân Bình, Huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Các chi nhánh trực thuộc

- Nghĩa Trang Lái Thiêu: 2C/2D khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Nghĩa Trang Dĩ An: khu phố Tân An, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Nhà nghỉ Hương Tràm 1: Số 87A Đường ĐT745, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 2: Lô C5, Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thủ Dầu 1, tỉnh Bình Dương;
- Nhà nghỉ Hương Tràm 3: Số 133/1A khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Khách sạn Hương Tràm 4: phường Tân Định, Thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Cửa Hàng Tự Lực: Số 2C/2E khu phố Bình Đức 1, phường Bình Hoà, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Dĩ An: Số 133/1A khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, tổ 1, khu phố 7, phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Trạm bơm nước Dĩ An: 19/22 Trần Hưng Đạo, KP Bình Minh 2, phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

7. Nhân viên

Số lượng cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2021 là 98 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty giao dịch thường xuyên tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư được xác định theo giá mua thực tế. Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu [các loại cổ phiếu, công trái, các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao khác được niêm yết] có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Dự phòng giảm giá của cổ phiếu niêm yết được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giữa giá mua cổ phiếu với giá trị thị trường tại thời điểm cuối kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Nhập trước xuất trước

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ:

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phương pháp khấu hao TSCĐ :

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Quyền sử dụng đất	lâu dài

6. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư vào gồm quyền sử dụng đất, chi phí gắn liền với đất hoặc nhà, hoặc một phần của nhà, hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng được đầu tư nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá hoặc cả hai mà không phải để: i) sử dụng trong quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm/dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc (ii) bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu;

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư khi các chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư hiện tại;

Bất động sản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ đi số khấu hao lũy kế.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp.

Loại Bất động sản	Năm
Quyền sử dụng đất	lâu dài

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

a. Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền quản lý được xác định theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận tích lũy thuần của các công ty con sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Đầu tư vào công ty liên danh

Phần vốn góp của Công ty trong liên danh được hạch toán theo phương pháp giá gốc, theo đó tỷ lệ của Công ty trong phần lãi, lỗ của liên doanh được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán với giá trị phản ánh phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của liên doanh. • [Áp dụng cho Công ty không có công ty con nhưng có liên doanh]

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên danh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được xác định theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối lợi nhuận nhận được cao hơn số lợi nhuận này được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá gốc đầu tư.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán:

- a) giá trị tài sản mà Công ty kiểm soát và nợ phải trả có liên quan;
- b) các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Công ty có được từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ thông qua hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát.

[Áp dụng cho hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát]

Phần vốn góp của Công ty trong hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán:

- a) Phần của Công ty trong tài sản được đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản;
- b) Các khoản nợ phải trả phát sinh;
- c) Phần của Công ty trong các khoản nợ phải trả cùng chịu với các bên liên doanh khác;
- d) Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm và phần chi phí phát sinh;
- e) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

[Áp dụng cho các tài sản được đồng kiểm soát]

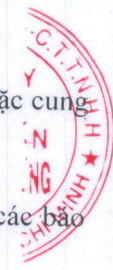
8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

a. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt tại quỹ	1.993.913.371	11.565.196.099
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	1.993.913.371	11.565.196.099
Tiền mặt tại Văn phòng công ty	536.410.126	8.833.858.408
Tiền mặt tại Cửa hàng Tự Lực	809.674.494	2.436.894.045
Tiền mặt tại Căn tin Hương Tràm 1	719.459	2.583.859
Tiền mặt tại CHTL Tân Uyên	647.109.292	291.859.787
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	7.321.275.353	4.990.792.717
- Tiền gửi Ngân hàng tại văn phòng công ty	3.032.712.110	3.419.540.346
- Tiền gửi Ngân hàng tại Cửa hàng Tự Lực	923.197.959	1.193.724.518
- Tiền gửi Ngân hàng tại CHTL Tân Uyên	3.313.432.110	315.797.591
- Tiền gửi Ngân hàng (lưu ký chứng khoán)	492.541	11.202.635
- Tiền gửi ngân hàng - NH Công Thương CN NT Dĩ An	49.140.573	50.527.627
- Tiền gửi ngân hàng - CN NT Lái Thiêu	2.300.060	-
Tổng cộng	9.315.188.724	16.555.988.816

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CÔNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021				01/01/2021			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty XD Giao Thông Thủy Lợi BD	152.510.000	152.510.000	-	152.510.000	152.510.000	-	152.510.000	-
Công ty CP Gạch Ngói Cao Cấp M & C	80.000.000	80.000.000	-	80.000.000	80.000.000	-	80.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	495.088	495.088	-	2.182.625.200	1.784.662.000	-	1.784.662.000	-
Tổng cộng	233.005.088	233.005.088	-	2.415.135.200	2.017.172.000	-	2.017.172.000	397.963.200

Chi tiết số lượng cổ phiếu kinh doanh

Tên đơn vị	Giá gốc	Số lượng cổ phiếu
Công ty XD Giao Thông Thủy Lợi BD	152.510.000	15.100
Công ty CP Gạch Ngói Cao Cấp M & C	80.000.000	10.925
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	495.088	88
Tổng cộng	233.005.088	26.113



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con (1)	95.251.000.000		95.251.000.000	104.001.000.000		104.001.000.000
Tổng cộng	95.251.000.000	-	95.251.000.000	104.001.000.000	-	104.001.000.000

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chi tiết đầu tư vào công ty con như sau:

Tên đơn vị	Vốn điều lệ theo Giấy CNĐK DN	Giá trị đầu tư cam kết góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đã đầu tư	Tỷ lệ quyền biểu quyết trên tổng đầu tư thực góp
- Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên	65.000.000.000	64.996.000.000	99,99%	68.105.000.000	100,00%
- Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên	20.000.000.000	19.996.000.000	99,98%	26.596.000.000	100,00%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu	37.500.000.000	22.492.500.000	59,98%	550.000.000	100,00%
Tổng cộng	122.500.000.000	107.484.500.000		95.251.000.000	

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Phải thu khách hàng

<i>Ngắn hạn</i>	31/12/2021	01/01/2021
- Các khách hàng của Cửa hàng Tự Lực	5.096.218.296	5.989.239.490
- Công ty TNHH TM XNK may Tân Thiên Mã	212.565.292	212.565.292
- Các khách hàng của Chi nhánh Khách sạn Hương Tràm 2	32.078.000	32.078.000
- Các khách hàng của Chi nhánh Tự Lực Tân Uyên	9.208.353.700	6.167.193.272
- Các khách hàng của Chi nhánh Cơ sở Mai Táng	55.538.521	55.538.521
- Các khách hàng của Nghĩa Trang Dĩ An	119.140.000	314.410.000
- Công ty Thiết bị Công nghiệp Việt - HT	89.990.430	97.926.817
- Các khách hàng khác	296.651.758	76.001.139
Tổng cộng	15.110.535.997	12.944.952.531

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
- Công ty CP Tư vấn & XD Tổng hợp Bình Dương	67.500.000	67.500.000
- Công ty TNHH Kiểm Toán Thái Bình Dương	18.000.000	18.000.000
- Khách hàng của Cửa hàng Tự Lực (1)	14.144.351.632	6.921.233.253
- Khách hàng của Cửa hàng Tự lực Tân Uyên (2)	7.721.382.105	5.686.744.923
- Công ty CP Xây Dựng Công trình Giao Thông đồng Tháp	6.843.458.300	1.106.916.000
- Công ty TNHH Thành Đạt Ngân	455.394.000	432.102.000
- Công ty TNHH Giải Pháp Công Nghệ Thông Minh ISOFT	177.000.000	118.000.000
Công ty TNHH Xây dựng điện Hưng Hòa Phát	4.058.558.070	-
Công ty TNHH MTV Thịnh Hưng Phát	6.897.000.000	-
- Các nhà cung cấp khác	674.986.000	140.456.000
Tổng cộng	41.057.630.107	14.490.952.176

Chi tiết công nợ tại ngày 31/12/2021 của các Cửa hàng trực thuộc Công ty bao gồm các nhà cung cấp như sau:

(1) Cửa hàng Tự Lực	14.144.351.632	6.921.233.253
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	10.251.393.845	6.921.233.253
+ Công ty TNHH MTV Đồng Hiệp Lợi	3.892.957.787	-
+ Cửa hàng Tự lực Tân Uyên		-
(2) Cửa hàng Tự lực Tân Uyên	7.721.382.105	5.686.744.923
+ Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam	5.235.622.185	5.096.100.923
+ Cửa Hàng Tự Lực	2.485.759.920	590.644.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Các khoản phải thu khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng				
Ông Nguyễn Minh Tuấn	10.730.000.000		-	
Ông Huỳnh Tấn Tài	-		3.000.000.000	
Bà Đồng thị Ngân Thương	-		10.400.000.000	
NV Cửa hàng Tự Lực	405.231.700		-	
NV CHTL Tân Uyên	290.649.000		19.541.000	
- Hợp tác xã DV TM Tổng hợp Môi trường Vĩnh Cửu	1.100.000.000		1.100.000.000	
- Ký cược, ký quỹ (3)	2.548.714.000		2.422.094.000	
- DA khu TMDV & DC Bắc Cống Vong	-		5.775.196.250	
- Dự án đất Vĩnh An	13.500.000.000		-	
- Dự án Ốc Eo - Thoại Sơn	2.700.000.000		-	
- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh An Giang -ký quỹ dự án BCV	1.938.135.000		1.938.135.000	
- Các khoản khác	68.199.897		2.551.467	
Tổng cộng	33.280.929.597		24.657.517.717	

(3) Chi tiết khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 như sau:

- Ký quỹ, ký cược khách hàng của CH Tự Lực	2.284.500.000
- Ký quỹ, ký cược khách hàng của CHTL Tân Uyên	262.214.000
- Khác	2.000.000
Cộng	2.548.714.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ (4)	9.983.385.000	-	9.216.276.000	
Tổng cộng	9.983.385.000	-	9.216.276.000	-

(4) Là số tiền đặt cọc vỏ chai bia, nước giải khát tại ngày 31/12/2021 như sau:

Công ty TNHH Bia và Nước Giải Khát Việt Nam:

- Cửa hàng Tự Lực	8.291.057.000
- Cửa hàng Tự lực Tân Uyên	1.692.328.000
Cộng	9.983.385.000

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	496.372.737		620.144.033	
- Công cụ, dụng cụ	177.452.000		177.452.000	
- Hàng hoá	5.657.429.440		6.176.671.223	
- Hàng gửi đi bán	414.044.266		196.561.552	
Tổng cộng	6.745.298.443	-	7.170.828.808	-

7. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
Chi phí phân bổ	46.465.492	306.022.117	392.917.250	133.360.625
Tổng cộng	46.465.492	306.022.117	392.917.250	133.360.625

b. Dài hạn

Chi phí phân bổ	497.858.233	226.273.730	568.078.005	839.662.508
Tổng cộng	497.858.233	226.273.730	568.078.005	839.662.508

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư 01/01/2021	19.512.985.196	3.805.852.199	11.801.114.751	1.130.200.646	36.250.152.792
- Điều chỉnh	-	-	(1.473.607.368)	1.473.607.368	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.534.080.000)	-	-	(1.534.080.000)
Số dư 31/12/2021	19.512.985.196	2.271.772.199	10.327.507.383	2.603.808.014	34.716.072.792
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2021	10.781.260.393	3.779.730.864	7.995.473.773	321.348.336	22.877.813.366
- Khấu hao trong năm	610.928.976	26.121.335	1.122.225.981	181.523.280	1.940.799.572
- Điều chỉnh	-	-	(1.462.201.960)	1.462.201.960	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.534.080.000)	-	-	(1.534.080.000)
Số dư 31/12/2021	11.392.189.369	2.271.772.199	7.655.497.794	1.965.073.576	23.284.532.938
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2021	8.731.724.803	26.121.335	3.805.640.978	808.852.310	13.372.339.426
Số dư 31/12/2021	8.120.795.827	-	2.672.009.589	638.734.438	11.431.539.854

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn được sử dụng bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2021	4.536.410.771	4.315.110.986	-	12.956.248.319
Tại ngày 31/12/2021	5.028.752.930	3.541.891.110	1.425.704.552	12.268.120.791

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyên sử dụng đất	Quyên phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Số dư 01/01/2021	15.180.214.560				15.180.214.560
- Mua trong năm					
Số dư 31/12/2021	15.180.214.560	-	-	-	15.180.214.560
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2021	4.936.600.147				4.936.600.147
- Khấu hao trong năm	608.571.024				608.571.024
Số dư 31/12/2021	5.545.171.171	-	-	-	5.545.171.171
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2021	10.243.614.413				10.243.614.413
Số dư 31/12/2021	9.635.043.389	-	-	-	9.635.043.389



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và quyền sử dụng đất	Khác	Tổng cộng
Số dư 01/01/2021	51.457.537.200				51.457.537.200
- Mua trong năm	6.292.196.250				6.292.196.250
Số dư 31/12/2021	57.749.733.450	-	-	-	57.749.733.450
Khấu hao lũy kế					
Số dư 01/01/2021	-				-
Số dư 31/12/2021	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại					
Số dư 01/01/2021	51.457.537.200				51.457.537.200
Số dư 31/12/2021	57.749.733.450	-	-	-	57.749.733.450

Quyền sử dụng đất bao gồm:

Thửa đất

- QSD đất tại thị trấn An Thạnh (a)

- QSD đất Thạnh Bình (b)

- QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô67)

- QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô7)

- QSD đất Thủ Dầu 1, Bình Dương (Lô VH-Ô8)

Người đứng tên

Lê Hữu Nghĩa

Lê Hữu Nghĩa

Cty CP XD và DV Công Cộng Bình Dương

Cty CP XD và DV Công Cộng Bình Dương

Cty CP XD và DV Công Cộng Bình Dương

Số tiền

3.821.260.000

1.061.820.000

2.486.707.200

1.793.600.000

1.739.600.000

Thời gian sử dụng

Đến 12/2023

Từ 04/12/09 đến

03/05/20

Không thời hạn

Không thời hạn

Không thời hạn

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2021	01/01/2021
<i>Dài hạn</i>		
Dự án khu TMDV và DC Bắc Cồng Vong	48.872.567.640	13.157.477.103
Tổng cộng	48.872.567.640	13.157.477.103

12. Phải trả người bán	31/12/2021		01/01/2021	
<i>Ngắn hạn</i>	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Các khách hàng của Nghĩa Trang Dĩ An	164.647.000	164.647.000	88.441.000	88.441.000
- Các khách hàng của Nghĩa Trang Lái Thiêu	13.700.000	13.700.000	13.500.000	13.500.000
- Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Việt - HT	706.373.175	706.373.175	200.048.541	200.048.541
- Các khách hàng Cửa Hàng Tự Lực (5)	569.033.099	569.033.099	790.971.256	790.971.256
- Các khách hàng Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên (6)	4.412.862.535	4.412.862.535	1.520.248.733	1.520.248.733
- Các nhà cung cấp khác		-	3.993.000	3.993.000
Tổng cộng	5.866.615.809	5.866.615.809	2.617.202.530	2.617.202.530

(5) Các khách hàng Cửa Hàng Tự Lực	569.033.099
Công ty TNHH Sân Golf Palm -Sông Bé	22.696.374
Công ty TNHH Thực phẩm Thu Đông	13.515.000
Công ty TNHH Trí Phát Thành	32.725.000
Các khách hàng khác	500.096.725
(6) Các khách hàng Cửa hàng Tự Lực Tân Uyên	4.412.862.535
Công Ty TNHH MTV Vũ Nguyên Bảo Ngọc	4.403.195.280
Các khách hàng khác	9.667.255

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2021	01/01/2021
- Các khách hàng Cửa hàng Tự Lực	2.806.072.420	2.666.758.500
- Các khách hàng CH Tự Lực Tân Uyên	159.611.500	54.659.000
- Văn phòng Kiểm toán Nhà nước	16.000.000	16.000.000
- Các khách hàng khác	3.500.000	20.820.000
Tổng cộng	2.985.183.920	2.758.237.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế GTGT	10.856.371	-	395.676.945	(384.820.574)
Thuế TNDN	373.557.869	2.584.649.933	3.053.201.337	(94.993.535)
Thuế TNCN	588.577.100	1.084.487.545	736.778.617	936.286.028
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(1.029.144)	161.507.930	214.227.744	(53.748.958)
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	52.252.600	16.000.000	59.400.000	8.852.600
Tổng cộng	1.024.214.796	3.846.645.408	4.459.284.643	411.575.561

trong đó:

a. Thuế và các khoản phải thu ngân sách Nhà nước:

	31/12/2021	01/01/2021
Thuế GTGT	384.820.574	-
Thuế TNDN	94.993.535	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	53.748.958	1.029.144
Tổng cộng	533.563.067	1.029.144

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

	31/12/2021	01/01/2021
Thuế GTGT	-	10.856.371
Thuế TNDN	-	373.557.869
Thuế TNCN	936.286.028	588.577.100
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	8.852.600	52.252.600
Tổng cộng	945.138.628	1.025.243.940

Số thuế phải nộp của Công ty chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

15. Phải trả công nhân viên

	31/12/2021	01/01/2021
- Lương công nhân viên	3.493.764.776	3.949.266.558
Tổng cộng	3.493.764.776	3.949.266.558

16. Doanh thu chưa thực hiện

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
- Doanh Thu nhận trước: MB HT2_Vietnammobile	26.600.000	38.000.000
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu	2.096.379.682	2.447.353.364
Tổng cộng	2.122.979.682	2.485.353.364

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Dài hạn				
- Doanh Thu nhận trước: Chăm sóc mộ Lái Thiêu				
Tổng cộng			6.455.418.978	7.811.291.046
			6.455.418.978	7.811.291.046
17. Phải trả khác			31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn				
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (Cửa hàng tự Lực)				
			800.376.300	780.927.300
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (CHTL Tân Uyên)				
			185.010.000	173.070.000
- Phải trả Cửa hàng tự Lực				
			152.648.200	152.648.200
- Công ty CP Đầu Tư Phú Hưng Viên				
			-	356.250.000
- Các khoản khác				
			219.002.640	142.891.202
Tổng cộng			1.357.037.140	1.605.786.702
b. Dài hạn				
- Khách hàng mua đất dự án Bắc Cống Vong				
			113.256.019.113	12.442.380.300
- Cty CP Đầu Tư Hoa Viên - Nghĩa Trang - Long Xuyên				
			30.256.800.000	21.956.800.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (7)				
			526.556.000	526.556.000
Tổng cộng			144.039.375.113	34.925.736.300
(7) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn các đối tượng sau:				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển CN Thuận An - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐ.CT ngày 14/6/2007				
			81.000.000	81.000.000
- Các khoản thế chấp thuê đất				
			445.556.000	445.556.000
Cộng			526.556.000	526.556.000
18. Dự phòng phải trả			31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn				
- Dự phòng vỡ chai bia				
			12.000.000	12.000.000
Tổng cộng			12.000.000	12.000.000
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2021	Tăng	Giảm	01/01/2021
Quỹ khen thưởng	1.022.274.960	1.511.498.632	1.505.498.632	1.016.274.960
Quỹ phúc lợi	214.502.583	-	29.000.000	243.502.583
Quỹ ban điều hành công ty	-	170.168.737	170.168.737	-
Tổng cộng	1.236.777.543	1.681.667.369	1.704.667.369	1.259.777.543

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

b. Vay và nợ thuế tại chính dài hạn	NĂM 2021			01/01/2021
	31/12/2021			
Vay dài hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
				Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu phát hành (*)	-	-	-	20.000.000.000
Tổng cộng	-	-	-	20.000.000.000

(*) Là khoản nợ phát hành trái phiếu theo Hợp đồng tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu riêng lẻ số : 77A/2016/H ĐTV/PH-BLPH ngày 24 tháng 05 năm 2016 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Chứng khoán Đề Nhất với nội dung như sau:

Tên trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương

Loại trái phiếu: Trái phiếu phát hành riêng lẻ

Mã trái phiếu: BPS-B2016

Hình thức trái phiếu: Chứng chi vật chất

Lãi suất trái phiếu: lãi suất trái phiếu thả nổi và được xác định bằng đồng bảng Đồng Việt Nam tiền gửi bình quân 12 tháng của 03 Ngân hàng là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Viettinbank) và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) cộng thêm 3,2%.

Kỳ hạn trả lãi: 06 tháng trả một lần

Mệnh giá trái phiếu: 200.000.000 đồng/01 trái phiếu

Tổng số phiếu chào bán: 100 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu chào bán: 20.000.000.000 đồng

Kỳ hạn trái phiếu: 05 năm

Thời điểm phát hành: Quý III/2016



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2020	83.432.650.000	22.227.206.820	36.396.235.699	142.056.092.519
Tăng vốn năm trước	8.343.270.000	1.687.407.410	(10.030.677.410)	-
Lãi trong năm trước			8.164.984.661	8.164.984.661
Chia cổ tức			(4.171.627.500)	(4.171.627.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(2.096.466.558)	(2.096.466.558)
Số dư 31/12/2020	91.775.920.000	23.914.614.230	28.262.448.892	143.952.983.122
Tăng vốn năm nay	8.224.080.000	816.498.466	(9.040.578.466)	-
Lãi trong năm nay			11.969.335.517	11.969.335.517
Chia cổ tức bằng tiền			(9.177.592.000)	(9.177.592.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(1.681.667.369)	(1.681.667.369)
Số dư 31/12/2021	100.000.000.000	24.731.112.696	20.331.946.574	145.063.059.270

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

		31/12/2021	01/01/2021
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp của nhà nước		100.000.000.000	91.775.920.000
- Vốn góp của các đối tượng khác			
<i>trong đó:</i>			
- Do pháp nhân nắm giữ		30.000.000.000	27.532.780.000
- Do cá nhân nắm giữ		70.000.000.000	64.243.140.000
<i>Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:</i>			
	Số tiền	%	
- Tổng Công ty Đầu Tư & KD Vốn Nhà Nước (SCIC)	30.000.000.000	30.00%	
- Ông Trần Danh	17.093.290.000	17.09%	
- Ông Lê Hữu Nghĩa	10.761.220.000	10.76%	
- Các cổ đông khác	42.145.490.000	42.15%	
Tổng cộng	100.000.000.000	100%	
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Năm 2021	Năm 2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		91.775.920.000	83.432.650.000
+ Vốn góp đầu năm		8.224.080.000	8.343.270.000
+ Vốn góp tăng trong năm		100.000.000.000	91.775.920.000
+ Vốn góp cuối năm		(9.177.592.000)	(4.171.627.500)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
d. Cổ phiếu		31/12/2021	01/01/2021
+ Cổ phiếu phổ thông		-	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		10.000.000	9.177.592
d. Cổ tức		Năm 2021	Năm 2020
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		1.197	890
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:			
e. Quỹ đầu tư phát triển		Năm 2021	Năm 2020
- Số dư đầu năm		23.914.614.230	22.227.206.820
Tăng từ trích LNST		816.498.466	1.687.407.410
- Số dư cuối năm		24.731.112.696	23.914.614.230

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2021	Năm 2020
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	790.942.596.680	1.034.316.609.515
<i>trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu bán hàng Cửa hàng tự Lực	471.582.152.134	663.921.735.133
- Doanh thu bán hàng CHTL Tân Uyên	268.581.462.927	330.021.417.099
Doanh thu dịch vụ		
- Doanh thu tang lễ, phần mộ, hỏa táng NT Lái Thiêu	11.779.022.569	11.656.282.737
- Doanh thu tang lễ, phần mộ, hỏa táng NT Dĩ An	32.687.612.750	23.488.933.410
- Doanh thu nhà nghỉ, khách sạn	4.439.780.443	3.383.734.907
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	1.872.565.857	1.844.506.229
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	790.942.596.680	1.034.316.609.515
02. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn bán hàng Cửa hàng Tự Lực	467.315.769.600	658.900.698.855
- Giá vốn bán hàng CHTL Tân Uyên	265.958.367.601	326.917.738.173
- Chi phí tang lễ, phần mộ, hỏa táng NT Lái Thiêu	2.959.431.597	3.630.084.133
- Chi phí tang lễ, phần mộ, hỏa táng NT Dĩ An	20.971.725.787	13.749.081.458
- Chi phí giá vốn của dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn	4.482.484.306	4.387.872.713
- Chi phí giá vốn của chứng khoán	2.309.780.112	-
Tổng cộng	763.997.559.003	1.007.585.475.332
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	17.130.202	12.830.304
Doanh thu bán chứng khoán	3.770.890.000	-
Khác	287.568	6.555.000
Tổng cộng	3.788.307.770	19.385.304
04. Chi phí tài chính		
Lãi trái phiếu	259.333.333	641.240.000
Lãi tiền vay ngân hàng	2.094.026.466	2.604.492.930
Tổng cộng	2.353.359.799	3.245.732.930

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

05. Chi phí bán hàng	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên	4.776.672.886	4.950.218.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.164.607.641	1.032.704.679
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.516.763	107.301.988
Chi phí bằng tiền khác	2.010.396.926	2.307.387.190
Tổng cộng	8.047.194.216	8.397.612.532
06. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên quản lý	5.586.019.866	5.090.951.155
Chi phí vật liệu quản lý	21.500.777	27.271.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.079.331	429.382.740
Thuế, phí và lệ phí	76.177.063	97.409.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.411.549	339.316.872
Chi phí bằng tiền khác	2.360.770.473	2.993.365.461
Tổng cộng	8.862.959.059	8.977.697.642
07. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập khác	3.084.153.077	3.950.645.269
Tổng cộng	3.084.153.077	3.950.645.269
08. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí khác	-	41.579.122
Tổng cộng	-	41.579.122
09. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.553.985.450	10.038.542.530
Cộng các khoản chi phí không được trừ	957.022.343	552.067.078
- Thu nhập tính thuế từ HĐSXKD	15.511.007.793	10.590.609.608
- Thu nhập không chịu thuế tính thuế	-	6.555.000
Thu nhập tính thuế	15.511.007.793	10.584.054.608
- Thu nhập tính thuế 10%	5.175.516.261	2.432.530.536
- Thu nhập tính thuế 20%	10.335.491.532	8.151.524.072
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.584.649.933	1.873.557.869

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu;

Chi phí nhân công;

Chi phí khấu hao tài sản cố định;

Chi phí dịch vụ mua ngoài;

Chi phí khác bằng tiền.

Tổng cộng

Năm 2021	Năm 2020
741.092.620.733	990.771.123.976
14.543.522.347	15.736.220.422
2.549.370.596	2.469.452.224
1.123.601.080	1.036.414.939
23.951.957.321	18.193.306.875
783.261.072.077	1.028.206.518.436

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Năm 2021	Năm 2020
122.400.000.000	155.600.000.000
(152.426.396.123)	(138.773.603.877)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác nhận giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.315.188.724		16.555.988.816	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	58.374.850.594	(52.898.100)	46.818.746.248	(52.898.100)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	95.484.005.088	-	106.416.135.200	(397.963.200)
Tổng cộng	163.174.044.406	(52.898.100)	169.790.870.264	(450.861.300)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công nợ tài chính	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả người bán, phải trả khác	151.263.028.062	39.148.725.532
Các khoản nợ vay và nợ thuê tài chính	28.300.000.000	78.326.396.123
Dự phòng phải trả	12.000.000	12.000.000
Tổng cộng	179.575.028.062	117.487.121.655

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

(i) Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ do đó Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải trả cho các khoản vay. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hoá lãi suất có lợi cho Công ty và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

(iii) Rủi ro về giá

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hoá danh mục đầu tư và các mức giới hạn hiện thực lãi, cắt lỗ.

Đối với Công ty Ban giám đốc đánh giá rủi ro về giá tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thoả thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30957
CỘNG
HỘI
HẢI BÌNH
PHỐ

Tại ngày 31/12/2021	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.315.188.724		9.315.188.724
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	48.391.465.594	9.983.385.000	58.374.850.594
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	233.005.088	95.251.000.000	95.484.005.088
Tổng cộng	57.939.659.406	105.234.385.000	163.174.044.406
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	7.223.652.949	144.039.375.113	151.263.028.062
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	28.300.000.000	-	28.300.000.000
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
Tổng cộng	35.523.652.949	144.039.375.113	179.575.028.062
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.416.006.457	(38.804.990.113)	(16.400.983.656)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tại ngày 01/01/2021

Tài sản tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.555.988.816		16.555.988.816
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	37.549.572.148	9.216.276.000	46.765.848.148
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	2.017.172.000	104.001.000.000	106.018.172.000
Tổng cộng	56.122.732.964	113.217.276.000	169.340.008.964
Công nợ tài chính	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	4.222.989.232	34.925.736.300	39.148.725.532
Phải trả vay và nợ thuê tài chính	58.326.396.123	20.000.000.000	78.326.396.123
Dự phòng phải trả	12.000.000		12.000.000
Tổng cộng	62.549.385.355	54.925.736.300	117.487.121.655
Chênh lệch thanh khoản thuần	(6.426.652.391)	58.291.539.700	51.852.887.309

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm:

2.1 Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên
 Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên
 Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dịch vụ Thương mại Vĩnh Cửu
 Hợp tác xã DV TM Tổng hợp Môi trường Vĩnh Cửu

Bên liên quan là các cá nhân ban điều hành, kiểm soát viên:

Ông Nguyễn Tấn Đạt
 Ông Lê Hữu Nghĩa
 Ông Trần Danh
 Ông Trần Thiện Thê
 Ông Huỳnh Tấn Tài
 Bà Võ Thị Thanh Thảo
 Bà Trần Thị Thu Thảo
 Bà Lâm Thị Phương Lam

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Bên liên danh
 Chủ tịch
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT
 TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 Trưởng ban kiểm soát
 Kiểm soát viên
 Kiểm soát viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG BÌNH DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

2.2 Phát sinh trong năm với các bên liên quan:

	Năm 2021	Năm 2020
- Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên		
Nộp tiền về Công ty mẹ	8.300.000.000	3.800.000.000
- Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên		
Nộp tiền về Công ty mẹ	10.300.000.000	-
Nhận từ Công ty mẹ	1.550.000.000	-
Đã thu	356.250.000	-
- Ông Huỳnh Tấn Tài tạm ứng		
Tạm ứng tiền	30.000.000	3.000.000.000
Thanh toán tạm ứng	3.030.000.000	-

2.3 Số công nợ phải thu/phải trả với bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung	31/12/2021	01/01/2021
- Công ty CP Đầu tư Hoa viên - Nghĩa trang - Long Xuyên	Phải trả khác	30.256.800.000	21.956.800.000
- Công ty CP Đầu tư Phú Hưng Viên	Phải trả khác	-	356.250.000
- Hợp tác xã DV TM Tổng Hợp Môi trường Vĩnh Cửu	Phải thu khác	1.100.000.000	1.100.000.000
- Ông Huỳnh Tấn Tài	Phải thu tạm ứng	-	3.000.000.000

3. Thu nhập của HĐQT, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên

	Năm 2021	Năm 2020
Thu nhập	3.212.468.128	2.803.705.657

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm 2021 đã được kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Tổng Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Ngày 23 tháng 03 năm 2022

Võ Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

Đồng Thị Ngân Thương
Kế toán trưởng



Lê Hữu Nghĩa
Tổng Giám đốc